

TRƯỜNG TIỂU HỌC Lớp: 2 Họ và tên:	ÔN LUYỆN KT CUỐI HỌC KỲ II MÔN: TOÁN Thời gian làm bài: 40 phút
--	--

I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Số “Tám trăm mười lăm” viết là:

- A. 805 B. 815 C. 851 D. 518

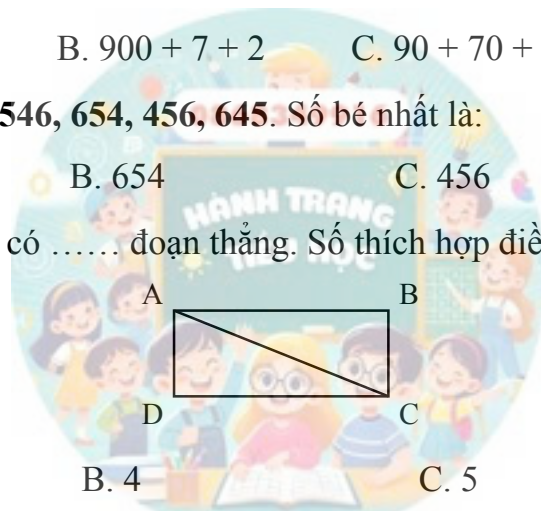
Câu 2. Số 972 được viết thành:

- A. $900 + 70 + 2$ B. $900 + 7 + 2$ C. $90 + 70 + 2$ D. $900 + 72$

Câu 3. Cho các số: 546, 654, 456, 645. Số bé nhất là:

- A. 546 B. 654 C. 456 D. 645

Câu 4. Hình vẽ bên có đoạn thẳng. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:



- A. 3 B. 4 C. 5 D. 6

Câu 5. Sắp xếp các số: 450, 89, 321, 504 theo thứ tự từ lớn đến bé là:

- A. 504, 450, 321, 89 B. 89, 321, 450, 504
 C. 504, 321, 450, 89 D. 450, 504, 321, 89

Câu 6. Bạn Lan có 4 viên bi xanh và 1 viên bi đỏ trong hộp. Không nhìn vào hộp, Lan lấy ra 1 viên bi. Khả năng Lan lấy được viên bi màu vàng là sự kiện có thể, không thể hay chắc chắn xảy ra?

- A. Có thể B. Không thể C. Chắc chắn

II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1. Đặt tính rồi tính. (2 điểm)




$452 + 136$ $895 - 452$ $56 + 238$ $704 - 15$

.....

Bài 2. Nối tổng với số thích hợp. (1 điểm)

$500 + 20 + 1$	$300 + 4$	$200 + 90 + 5$	$100 + 10$
110	521	295	304

Bài 3. Quan sát biểu đồ tranh về số quả táo các bạn hái được:

Lan	
Mai	
Cúc	

a) Bạn Lan hái được bao nhiêu quả?

b) Bạn nào hái được ít quả nhất?

c) Tổng số táo các bạn hái được là:

Bài 4. Quãng đường từ thành phố A đến thành phố C dài 845 km (đi qua thành phố B). Biết quãng đường từ thành phố A đến thành phố B dài 420 km. Hỏi quãng đường từ thành phố B đến thành phố C dài bao nhiêu ki-lô-mét? (1 điểm)

Bài giải

Bài 5. Viết số thích hợp vào ô trống để được phép tính đúng. (1 điểm)

$$\begin{array}{|c|c|c|} \hline 4 & & \\ \hline \end{array} + \begin{array}{|c|c|} \hline 4 & 9 \\ \hline \end{array} = \begin{array}{|c|c|c|} \hline & 9 & 5 \\ \hline \end{array}$$